

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 272/2006/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2006

QUY CHẾ

Cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ đối với các khoản vay nước ngoài

(Ban hành kèm theo Quyết định số 272/2006/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định quy trình xem xét, cấp bảo lãnh Chính phủ; việc tổ chức quản lý bảo lãnh Chính phủ và trách nhiệm của các cơ quan trong việc cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bảo lãnh Chính phủ đối với khoản vay nước ngoài (sau đây được gọi là “bảo lãnh Chính phủ”) là việc Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (người bảo lãnh) thông qua Bộ Tài chính, cam kết bằng văn bản với người cho vay nước ngoài (người nhận bảo lãnh) đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đã được cam kết trong thỏa thuận vay; trường hợp người vay không thực hiện, thực hiện không đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán đã được cam kết trong thỏa thuận vay, người bảo lãnh sẽ thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đó thay cho người được bảo lãnh theo quy định của thư bảo lãnh. Người vay phải có nghĩa vụ bồi hoàn cho người bảo lãnh các khoản tiền mà người bảo lãnh đã trả thay cùng với lãi và tất cả các chi phí phát sinh thực tế liên quan đến khoản tiền đã trả thay.

- 2. Cơ quan cấp bảo lãnh Chính phủ** là Bộ Tài chính (sau đây gọi là “cơ quan cấp bảo lãnh”).
- 3. Người được bảo lãnh** là doanh nghiệp thực hiện vay nước ngoài (người vay) được Chính phủ bảo lãnh. Người được bảo lãnh bao hàm cả (các) người nhận chuyển nhượng, người nhận chuyển giao hợp pháp của người vay được người bảo lãnh chấp thuận.
- 4. Người nhận bảo lãnh** là người có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ khoản vay được bảo lãnh. Người nhận bảo lãnh là người cho vay và (các) người nhận chuyển nhượng, người nhận chuyển giao hợp pháp của người cho vay và được hiểu là người cho vay trong các thỏa thuận vay.
- 5. Người nhận chuyển nhượng** của người được bảo lãnh hoặc của người nhận bảo lãnh là người nhận toàn bộ hoặc một phần các quyền và nghĩa vụ của người được bảo lãnh hoặc người nhận bảo lãnh trong chuyển nhượng.
- 6. Người nhận chuyển giao** của người được bảo lãnh hoặc của người nhận bảo lãnh là người nhận toàn bộ hoặc một phần các quyền và nghĩa vụ của người được bảo lãnh hoặc người nhận bảo lãnh trong chuyển giao.
- 7. Nghĩa vụ thanh toán** là các khoản phải trả gồm nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng, lãi chậm trả, các khoản phí và chi phí, bồi thường tổn thất (nếu có) theo quy định trong thỏa thuận vay cụ thể và được chấp nhận trong thư bảo lãnh.
- 8. Đại diện tiếp nhận hồ sơ tổ tụng** là cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài được uỷ quyền để tiếp nhận, xác nhận việc đã nhận được các hồ sơ tổ tụng liên quan đến bảo lãnh Chính phủ và chuyển toàn bộ hồ sơ trên cho cơ quan cấp bảo lãnh.
- 9. Ý kiến pháp lý** là văn bản do Bộ Tư pháp phát hành phù hợp với các quy định của Việt Nam và thông lệ tài chính, tín dụng quốc tế về các căn cứ pháp luật của các giao dịch thương mại, đầu tư, tài chính, ngân hàng được thực hiện trên cơ sở pháp luật Việt Nam, các điều ước, các thỏa thuận quốc tế, các hợp đồng có yếu tố nước ngoài và các văn bản pháp lý khác.

Điều 3. Bảo lãnh Chính phủ là bảo lãnh có tính pháp lý cao nhất tại Việt Nam. Cam kết bảo lãnh Chính phủ được thực hiện dưới hình thức thư bảo lãnh hoặc hợp đồng bảo lãnh (sau đây gọi chung là “thư bảo lãnh”)

Chính phủ chỉ cấp bảo lãnh, không cấp tái bảo lãnh.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

TRONG VIỆC CẤP BẢO LÃNH CHÍNH PHỦ

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan cấp bảo lãnh

Bộ Tài chính là cơ quan cấp bảo lãnh Chính phủ có trách nhiệm:

1. Ban hành và hướng dẫn quy trình xem xét, cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;
2. Thẩm định phương án tài chính và các điều kiện cấp bảo lãnh theo hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh cho các chương trình, dự án cụ thể trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bảo lãnh;
3. Tham gia quá trình thương thảo thỏa thuận vay về các điều kiện vay và chủ trì đàm phán về nội dung thư bảo lãnh;
4. Trực tiếp cấp bảo lãnh Chính phủ và tổ chức quản lý các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh như đối với các khoản vay nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại Điều 6 khoản 1 mục g của Nghị định số 134/2005/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý vay và trả nợ nước ngoài;
5. Tổng hợp các khoản vay của các tổ chức tín dụng yêu cầu bảo lãnh Chính phủ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;
6. Xây dựng hạn mức bảo lãnh Chính phủ để tổng hợp vào hạn mức vay thương mại hàng năm của Chính phủ;
7. Đánh giá tình hình thực hiện bảo lãnh Chính phủ và báo cáo tiến độ giải ngân, thanh toán nợ và dư nợ nước ngoài của các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh theo Quy chế thu thập, báo cáo, tổng hợp, chia sẻ và công bố thông tin về nợ nước ngoài;

8. Thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh đối với người nhận bảo lãnh (người cho vay nước ngoài);
9. Áp dụng các công cụ tài chính và các chế tài theo quy định của pháp luật để truy đòi số nợ và các chi phí phát sinh có liên quan đến việc trả thay người được bảo lãnh;
10. Thực hiện việc kiểm tra kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn vay nước ngoài để giám sát khả năng trả nợ của người được bảo lãnh.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan phối hợp

1. Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm:

- a) Thẩm định phương án vay của các tổ chức tín dụng gửi cơ quan cấp bảo lãnh để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cấp bảo lãnh;
- b) Xác nhận đăng ký các khoản vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh;
- c) Phối hợp với cơ quan cấp bảo lãnh trong việc kiểm tra sử dụng vốn vay, giám sát việc trả nợ nước ngoài của các dự án do Ngân hàng Nhà nước thẩm định;
- d) Phối hợp chặt chẽ với cơ quan cấp bảo lãnh trong việc tạo điều kiện cho cơ quan cấp bảo lãnh thực hiện các trách nhiệm của cơ quan cấp bảo lãnh đối với người được bảo lãnh.

2. Bộ Tư pháp:

- a) Tham gia ý kiến về những vấn đề pháp lý trong các thoả thuận về vay, các thoả thuận về bảo lãnh Chính phủ trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; tham gia ý kiến trong trường hợp cần thiết về những vấn đề pháp lý khác có liên quan đến các văn kiện vay, trả nợ nước ngoài của các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế trong nước theo đề nghị của người vay và của cơ quan cấp bảo lãnh;
- b) Thẩm định những vấn đề khác nhau giữa các thoả thuận về vay, trả nợ nước ngoài của Chính phủ và pháp luật trong nước;
- c) Cấp ý kiến pháp lý đối với các thoả thuận vay, thư bảo lãnh, người bảo lãnh và người được bảo lãnh.

3. Bộ Ngoại giao: phối hợp với cơ quan cấp bảo lãnh chỉ định cơ quan đại diện thích hợp của Việt Nam ở nước ngoài được ủy quyền làm Đại diện tiếp nhận hồ sơ tổ tụng

liên quan đến bảo lãnh Chính phủ và chuyển toàn bộ hồ sơ cho cơ quan cấp bảo lãnh trong trường hợp thủ tục tố tụng được thoả thuận trong thỏa thuận vay và thư bảo lãnh là tố tụng toà án.

4. Các cơ quan khác liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan cấp bảo lãnh thực hiện quản lý nhà nước về vay, trả nợ nước ngoài theo chức năng, thẩm quyền của mình và theo quy định tại Quy chế này.

Chương III

ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ ĐIỀU KIỆN

XEM XÉT, CẤP BẢO LÃNH CHÍNH PHỦ

Điều 6. Đối tượng được cấp bảo lãnh

Đối tượng được xem xét cấp bảo lãnh Chính phủ (người được bảo lãnh) là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng trong nước thuộc mọi thành phần kinh tế trực tiếp ký thỏa thuận vay với người cho vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ để thực hiện chương trình, dự án đầu tư hoặc tín dụng và có đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 7. Các loại hình chương trình dự án vay nước ngoài được xem xét cấp bảo lãnh

1. Chương trình, dự án đầu tư trọng điểm được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư.
2. Chương trình, dự án nhập các thiết bị công nghệ cao để sản xuất hàng hoá, cung cấp dịch vụ xuất khẩu và chương trình, dự án thuộc các lĩnh vực ưu tiên đầu tư của Nhà nước, có khả năng trả được nợ.
3. Chương trình, dự án được tài trợ bằng khoản vay thương mại đi cùng nguồn vốn ODA tạo thành nguồn vốn tài trợ dưới dạng tín dụng hỗn hợp.
4. Chương trình, dự án vay của các tổ chức tín dụng được Ngân hàng Nhà nước thẩm định và đề nghị cấp bảo lãnh Chính phủ.

Điều 8. Điều kiện cấp bảo lãnh

1. Điều kiện về chương trình, dự án: